

Số: **2140** /QĐ-BTC

Hà Nội, ngày **7** tháng **8** năm **2026**

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong
lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước
của Bộ Tài chính**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 06 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 05 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 08 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 85/2026/TT-BTC ngày 30 tháng 6 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2026.

Bãi bỏ nội dung công bố thủ tục hành chính tại: STT 22 và 23 mục 2 phần I Quyết định số 344/QĐ-BTC ngày 24/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực hải quan thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Tài chính.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Pháp chế, Cục trưởng Cục Hải quan, Chi cục trưởng các Chi cục Hải quan khu vực và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Bộ Tư pháp (Cục KSTTHC);
- Văn phòng Bộ (để công khai TTHC);
- Website Bộ Tài chính;
- Website Cục Hải quan;
- Lưu: VT, CHQ (04b)



**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ
BÃI BỎ LĨNH VỰC HẢI QUAN THUỘC PHẠM VI
CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

(Kèm theo Quyết định số 2140.../QĐ-BTC ngày 07 tháng 8 năm 2026
của Bộ Tài chính)

PHẦN I: DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

**1. Danh mục TTHC được sửa đổi, bổ sung thuộc phạm vi chức năng
quản lý của Bộ Tài chính**

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
1	1.007738	Thủ tục phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và máy móc, thiết bị ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời	Điều 7, 8, 9 Thông tư số 85/2026/TT- BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ ngoài cửa khẩu	Quyết định số 344/QĐ- BTC ngày 24/02/2026 (STT 22 mục 2 phần I)

2. Danh mục TTHC bị bãi bỏ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan giải quyết	Số QĐ đã công bố TTHC được sửa đổi, bổ sung
1	1.007739	Thủ tục phân loại máy móc, thiết bị nguyên chiếc ở dạng tháo rời	Điều 7, 8, 9 Thông tư số 85/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	Hải quan	Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu	Quyết định số 344/QĐ-BTC ngày 24/02/2026 (STT 23 mục 2 phần I)

PHẦN II: NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH

1. Thủ tục phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và máy móc, thiết bị ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời

1.1. Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Người khai hải quan nộp hồ sơ đăng ký Danh mục trước thời điểm đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu lô hàng đầu tiên tại cơ quan hải quan nơi thuận tiện nhất. Người khai hải quan thực hiện khai các chỉ tiêu thông tin thông qua Hệ thống xử lý dữ liệu điện tử hải quan, trường hợp Hệ thống chưa có chức năng tiếp nhận chỉ tiêu thông tin thì nộp bản scan có xác nhận bằng chữ ký số các chứng từ thuộc hồ sơ hoặc gửi hồ sơ trực tiếp đến cơ quan hải quan.

Trường hợp Danh mục đã đăng ký nhưng người khai hải quan cần sửa đổi, bổ sung thì người khai hải quan nộp Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi sửa đổi, bổ sung cho cơ quan hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục trước thời điểm đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu lô hàng đầu tiên hoặc trước thời

điểm đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu lô hàng tiếp theo có sửa đổi, bổ sung Danh mục.

Trường hợp người khai hải quan mất Danh mục thì có văn bản đề nghị cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục cấp lại Danh mục. Trường hợp mất Phiếu theo dõi trừ lùi thì người khai hải quan lập Phiếu theo dõi trừ lùi mới trong đó tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số tờ khai và số lượng máy móc, thiết bị hoặc chi tiết, linh kiện trong Danh mục đã nhập khẩu gửi cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng tiếp theo.

- **Bước 2:** Cơ quan hải quan thực hiện tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký Danh mục hoặc Danh mục sửa đổi, bổ sung do người khai hải quan nộp. Trường hợp hồ sơ đăng ký Danh mục hoặc hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung Danh mục đúng quy định thì trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc, cơ quan hải quan xác nhận Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi, lưu 01 bản chính Danh mục, giao cho người khai hải quan 01 bản chính Danh mục kèm 01 bản chính Phiếu theo dõi trừ lùi.

Trường hợp mất Danh mục, cơ quan hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục thực hiện kiểm tra và cấp lại Danh mục trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị; cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng tiếp theo tiếp nhận và kiểm tra các nội dung tự kê khai trên Phiếu theo dõi trừ lùi mới do người khai hải quan lập, đối chiếu với các thông tin trên hệ thống của cơ quan hải quan và xác nhận Phiếu theo dõi trừ lùi các máy móc, thiết bị hoặc chi tiết, linh kiện chưa nhập khẩu.

- **Bước 3:** Khi làm thủ tục nhập khẩu, ngoài thủ tục hải quan theo quy định, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu căn cứ hồ sơ hải quan, kiểm tra, đối chiếu với Danh mục đã đăng ký, Phiếu theo dõi trừ lùi để thực hiện phân loại và trừ lùi những máy móc, thiết bị hoặc chi tiết, linh kiện đã thực tế nhập khẩu và xác nhận số lượng hàng hóa đã trừ lùi, lưu 01 bản chụp Danh mục và 01 bản chụp Phiếu theo dõi trừ lùi đã thực hiện trừ lùi vào hồ sơ hải quan.

Trường hợp người khai hải quan làm thủ tục nhập khẩu tại cơ quan hải quan khác với cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu tiếp nhận 01 bản chính Danh mục kèm Phiếu theo dõi trừ lùi do người khai hải quan xuất trình và thực hiện như trên.

Hết lượng hàng hoá nhập khẩu, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho lô hàng cuối cùng xác nhận “đã nhập hết hàng hóa theo danh mục số....” lên Phiếu theo dõi trừ lùi, lưu 01 bản chính, chuyển cho người khai hải quan 01 bản chụp. Trường hợp cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho lô hàng cuối cùng không phải là nơi cấp Phiếu theo dõi trừ lùi thì lưu 01 bản chụp và gửi 01 bản chính đến cơ quan hải quan nơi cấp Phiếu theo dõi trừ lùi.

1.2. Cách thức thực hiện: Trực tuyến hoặc nộp trực tiếp tại cơ quan hải quan

1.3. Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Danh mục máy móc, thiết bị; các chi tiết, linh kiện rời của máy móc, thiết bị;

- *Phiếu theo dõi trừ lùi.*

1.4. Thời hạn giải quyết: Thực hiện ngay khi người khai hải quan có đề nghị.

1.5. Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân.

1.6. Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu.

1.7. Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và máy móc, thiết bị ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời.

1.8. Lệ phí (nếu có): không

1.9. Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- *Mẫu Danh mục máy móc, thiết bị; các chi tiết, linh kiện rời của máy móc, thiết bị (theo mẫu số 01/ĐKDMTB/2025 Phụ lục V ban hành kèm Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính).*

- *Mẫu Phiếu theo dõi trừ lùi (theo mẫu số 02/PTDTL-DMTB/2025 Phụ lục V ban hành kèm Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính)*

1.10. Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không có.

1.11. Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- *Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;*

- *Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính quy định về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính và Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính;*

- *Thông tư số 85/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.*

Mẫu Danh mục máy móc, thiết bị; các chi tiết, linh kiện rời của máy móc, thiết bị:

Mẫu số 01/ĐKDMTB/2025

**TÊN NGƯỜI KHAI HẢI
QUAN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:/.....

....., ngày tháng năm

V/v Đăng ký danh mục máy
móc thiết bị nhập khẩu theo
Điều 7 và Điều 8 Thông tư số
85/2026/TT-BTC

Kính gửi: (2).....

Tên người khai hải quan: (1)

Mã số thuế:

Số điện thoại:; số Fax:Email:.....

- Tên máy liên hợp/ tổ hợp máy:..... - Tên máy thực hiện chức năng chính/bộ phận chính..... <i>(Phần kê khai đối với hàng hoá là máy liên hợp hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, 85, 90)</i>	- Tên thiết bị nguyên chiếc..... <i>(Phần kê khai đối với hàng hoá là máy móc, thiết bị ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời)</i>
--	---

Mã số theo Danh mục hàng hóa XK, NK Việt Nam

Thời gian dự kiến nhập khẩu từ đến

Địa điểm lắp đặt hàng hóa nhập khẩu

Đăng ký tại cơ quan hải quan:

Số TT	Tên hàng, mô tả hàng hóa	Số lượng		Trị giá			Ghi chú
		Lượng	ĐVT	Trị giá	Trị giá (dự kiến)	Đơn vị tiền tệ	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
	Ví dụ:						
	Máy A		Chiếc	20.000		USD	
1	Linh kiện A	5	Chiếc	5.000		USD	

2	Linh kiện B	3	Chiếc	6.000		USD	
3	Linh kiện C	10	Chiếc	9.000		USD	
...							

.....(1) cam kết kê khai chính xác, trung thực các tài liệu nói trên.
 ...(1).... sẽ thực hiện đúng quy định hiện hành về xuất nhập khẩu hàng hóa và
 chịu trách nhiệm trước pháp luật về cam kết này.

Số, ngày (đăng ký) Danh mục: (3).....

**CƠ QUAN HẢI QUAN LÀM THỦ
TỤC ĐĂNG KÝ**

(Ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)

.....Ngày ... tháng ... năm.....

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
CỦA NGƯỜI KHAI HẢI QUAN**

(Ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)

Ghi chú:

(1) Ghi tên người khai hải quan đăng ký Danh mục;

(2) Ghi tên cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục.

(3) Số, ngày đăng ký danh mục do đơn vị Hải quan làm thủ tục đăng ký danh mục ghi, phù hợp với số thứ tự, ngày đăng ký ghi trong sổ theo dõi đăng ký danh mục.

Cột (5): nếu tại thời điểm đăng ký, người khai hải quan chưa biết được chính xác trị giá hàng nhập khẩu thì ghi trị giá vào cột (6).

Mẫu Phiếu theo dõi trừ lùi:

Mẫu số 02/PTDTL-DMTB/2025

PHIẾU THEO DÕI TRỪ LÙI MÁY MÓC THIẾT BỊ NHẬP KHẨU

(Theo quy định tại Điều 7, 8 Thông tư số 85/2026/TT-BTC ngày 30/6/2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

1. Tên người khai hải quan; Mã số thuế:

2. Tên máy móc, thiết bị

- Tên máy liên hợp/ tổ hợp máy:..... - Tên máy thực hiện chức năng chính/bộ phận chính..... <i>(Phần kê khai đối với hàng hoá là máy liên hợp hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, 85, 90)</i>	- Tên thiết bị nguyên chiếc..... <i>(Phần kê khai đối với hàng hoá là máy móc, thiết bị ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời)</i>
---	---

3. Mã số theo Danh mục hàng hóa XK, NK Việt Nam.....

4. Số, ngày Danh mục đã đăng ký.....

5. Cơ quan Hải quan nơi đăng ký Danh mục.....

Số TT	Số, ký hiệu, ngày tờ khai hải quan	Tên hàng, mô tả hàng hóa	STT dòng hàng trong Danh mục	Lượng (theo ĐVT trong Danh mục)		Lượng hàng hóa nhập khẩu theo tờ khai hải quan (theo ĐVT trong Danh mục)	Trị giá thực tế nhập khẩu		Lượng hàng hóa còn lại chưa nhập khẩu (theo ĐVT trong Danh mục)	Hải quan nơi làm thủ tục thống kê, trừ lùi (ký tên, đóng dấu)	
				Lượng	ĐVT		Trị giá	Đơn vị tiền tệ		Công chức	Lãnh đạo
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)
	Ví dụ:										
		Máy A:									
1	10010..ngày 9/10/2025	Linh kiện C	3	10	Chiếc	2	1800	USD	8	CC A	LĐ A – Cơ quan HQ A

Số TT	Số, ký hiệu, ngày tờ khai hải quan	Tên hàng, mô tả hàng hóa	STT dòng hàng trong Danh mục	Lượng (theo ĐVT trong Danh mục)		Lượng hàng hóa nhập khẩu theo tờ khai hải quan (theo ĐVT trong Danh mục)	Trị giá thực tế nhập khẩu		Lượng hàng hóa còn lại chưa nhập khẩu (theo ĐVT trong Danh mục)	Hải quan nơi làm thủ tục thống kê, trừ lùi (ký tên, đóng dấu)	
				Lượng	ĐVT		Trị giá	Đơn vị tiền tệ		Công chức	Lãnh đạo
2	10011. ngày 15/10/2025	Linh kiện C	3	8	Chiếc	3	2700	USD	5	CC B	LĐ B – Cơ quan HQ B
...											

☐ Đã nhập khẩu hết hàng hóa theo Danh mục.

..... ngày ... tháng ... năm
CƠ QUAN HẢI QUAN CẤP PHIẾU
THEO DÕI TRỪ LÙI
(Ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)

Ghi chú:

- Số tờ, tờ số và các tiêu chí tại các mục 1, 2, 3, 4, 5 do cơ quan Hải quan nơi cấp Phiếu theo dõi trừ lùi ghi. Khi cấp Phiếu theo dõi trừ lùi, nếu 01 Phiếu gồm nhiều tờ thì cơ quan Hải quan phải đóng dấu treo lên tất cả các tờ.
- Số liệu tại các cột từ 1 đến 12 của Phiếu do cơ quan Hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu hàng hóa ghi.
- Khi người khai hải quan đã nhập khẩu hết hàng hóa theo Danh mục đã đăng ký thì Chi cục Hải quan cuối cùng tích "X" vào ô "Đã nhập hết hàng hóa theo Danh mục" và xác nhận lên Phiếu theo dõi trừ lùi, gửi 01 bản đến Chi cục Hải quan nơi cấp Phiếu theo dõi trừ lùi.